TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Duy Thấm; bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Đỗ Diễm V, sinh năm 2002; cư trú tại: Tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1994; cư trú tại: Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị V, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Đỗ Diễm V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2022. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T lúc mới sống chung thì hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm trở lại đây thì thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chăm lo cho gia đình nên sống chung thường xuyên cãi nhau, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 6 tháng nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người

nào chỉ biết bổn phận người đó, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng; nay sống ly thân đã lâu nên không còn tình cảm vợ chồng, nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Nam T1, sinh ngày 03-7-2019 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 30-9-2020. Hiện tại cháu K đang sống cùng với chị còn cháu T1 đang sống cùng với anh T. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu K, chị đồng ý để anh T nuôi con chung là cháu T1. Do mỗi người nuôi một con chung nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 7 năm 2023, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2022. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị V phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay chị V xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị V chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Nam T1, sinh ngày 03-7-2019 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 30-9-2020. Hiện tại cháu K đang sống cùng với chị V còn cháu T1 đang sống cùng với anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung là cháu T1, anh đồng ý để chị V nuôi con chung là cháu K. Do mỗi người nuôi một con chung nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị V, anh T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị V, anh T.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Đỗ Diễm V được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 30-9-2020 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Nguyễn Nam T1, sinh ngày 03-7-2019 cho anh T trực tiếp

trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ghi nhận chị V, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị V, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Đỗ Diễm V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Đỗ Diễm V, anh Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị V; biên bản lấy lời khai của anh T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T năm 2022, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị V, anh T và chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị V tự nguyện chung sống vợ chồng với anh T, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân đã lâu. Xét thấy, hôn nhân giữa chị V và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị V có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai, anh T cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận. Cho chị Nguyễn Đỗ Diễm V được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Nam T1, sinh ngày 03-7-2019 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 30-9-2020. Chị V và anh T có nguyện vọng, thống nhất về việc nuôi con chung, cụ thể là chị V có nguyện vọng nuôi cháu K còn anh T có nguyện vọng nuôi cháu T1. Xét thấy thỏa thuận về nguyện vọng nuôi con chung của chị V, anh T là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị V và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Đỗ Diễm V và anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Đỗ Diễm V và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Đỗ Diễm V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Đỗ Diễm V. Cho chị Nguyễn Đỗ Diễm V được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 30-9-2020 cho chị Nguyễn Đỗ Diễm V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Nguyễn Nam T1, sinh ngày 03-7-2019 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Đỗ Diễm V và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Đỗ Diễm V và anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Đỗ Diễm V và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Đỗ Diễm V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T2 đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008239 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Đỗ Diễm V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho chị Nguyễn Đỗ Diễm V và anh Nguyễn Minh T biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Hiệp;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

Nguyễn Bùi Toàn